

CÔNG TY TNHH INNO - AGRI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH INNO - AGRI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INNO - AGRI COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: INNO - AGRI CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110729765

3. Ngày thành lập:

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 19, Tòa nhà Coninco, số 4 Tôn Thất Tùng, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây mía	0114
5.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
6.	Trồng cây lấy sợi	0116
7.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
8.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
9.	Trồng cây hàng năm khác	0119
10.	Trồng cây ăn quả	0121
11.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
12.	Trồng cây điều	0123
13.	Trồng cây hồ tiêu	0124
14.	Trồng cây cao su	0125
15.	Trồng cây cà phê	0126
16.	Trồng cây chè	0127
17.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
18.	Trồng cây lâu năm khác	0129
19.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
20.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
21.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
22.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
23.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144

24.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
25.	Chăn nuôi gia cầm	0146
26.	Chăn nuôi khác	0149
27.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
28.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
29.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
30.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
31.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
32.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
33.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
34.	Khai thác gỗ	0220
35.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
36.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
37.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
38.	Khai thác thủy sản biển	0311
39.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
40.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
41.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
42.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết: Sản xuất phân bón	2012
43.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
44.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý mua bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa	4610
45.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
46.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
47.	Bán buôn thực phẩm	4632
48.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
49.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp	4669(Chính)
50.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
51.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
52.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
53.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4799
54.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
55.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120

56.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
57.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
58.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
59.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu: - Tư vấn về công nghệ; - Tư vấn về nông học; - Tham gia thị trường tín chỉ các-bon	7490
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa Công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THÀNH PHÁT		Nhà số 16 hẻm 71/14/3 Hoàng Văn Thái, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.850.000.000	37,000	0100512636	
2	VŨ HOÀNG VIỆT	Việt Nam	Tổ 1 khu 8, Thị Trấn Cái Rồng, Huyện Vân Đồn, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	600.000.000	12,000	022200000857	
3	NGUYỄN ĐỨC GIÁ	Việt Nam	Thôn Thụy Hà, Xã Bắc Hồng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	600.000.000	12,000	001044002161	
4	TRẦN QUỐC THỊNH	Việt Nam	Thôn Trường Phước, Xã Hải Lâm, Huyện Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam	600.000.000	12,000	045089004519	
5	NGUYỄN THU MAI	Việt Nam	Số 9 ngách 376/35 đường Bưởi, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	250.000.000	5,000	001176017870	

6	NGUYỄN QUỐC HÙNG	Việt Nam	Số 9 ngách 376/35 đường Bưởi, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	250.000.000	5,000	001099036177	
7	TRẦN PHƯỚC THÀNH	Việt Nam	Số 60 Hàn Mặc Tử, Phường Thuận Phước, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	600.000.000	12,000	031072019917	
8	LƯƠNG TRÍ NHÂN	Việt Nam	Số 113 Thạch Lam, Phường Hiệp Tân, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	250.000.000	5,000	118095000005	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN QUỐC TUẤN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *12/10/1964*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *040064000309*

Ngày cấp: *10/07/2021*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 9, ngách 376/35 đường Bưởi, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 9, ngách 376/35 đường Bưởi, Phường Vĩnh Phúc, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội